TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2018
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà:*** Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018, về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 2 năm 2018 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Tuấn T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ cư trú: Ấp L 1, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự quen biết tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mỗi người một quan điểm sống khác nhau nên chị và anh T thường xuyên gây gỗ nhau. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 10-2017 đến nay cũng không có biện pháp

khắc phục hàn gắn gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2011. Nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L yêu cầu chia tài sản chung là một chiếc xe Wave Alpha nhưng ngày 18-01-2018 chị L có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với anh T do hai anh chị tự thỏa thuận giải quyết. Chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Bị đơn Anh Lê Tuấn T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L trình bày cơ sở hôn nhân giữa anh và chị L như trên là đúng. Anh và chị L chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh và chị L thường xuyên gây gỗ nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nữa, vợ chồng ly thân từ tháng 10 - 2017 cho đến nay, không có biện pháp khắc phục, hàn gắn gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị L có một con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2011. Nay ly hôn anh đồng ý giao con cho chị L nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Tuấn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014). Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu L, không công nhận chị Nguyễn Thị Thu L và anh Lê TuấnT là vợ chồng. Về con chung: giao cháu Nguyễn Quốc D,

sinh ngày 05 tháng 01 năm 2011 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị L, anh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Tuấn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Lê Tuấn T chung sống với nhau từ năm 2009, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của hai anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2014) thì không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Lê Tuấn T có 01 con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2011. Hiện tại cháu đang sống chung với chị L. Chị L và anh T thống nhất giao cháu D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu D đã trên 7 tuổi, qua làm việc cháu có nguyện vọng được sống với chị L nên chị L và anh T thống nhất thỏa thuận giao cháu D cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Do vậy, căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu D cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Anh Lê Tuấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Khi nộp đơn yêu cầu ly hôn chị L có yêu cầu chia tài sản chung là một chiếc xe Wave Alpha, nhưng sau đó chị L và anh T tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 18-01-2018 chị L có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với anh T. Do vậy, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản chung của chị L. Chị L được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Lê Tuấn T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Thu L và anh Lê Tuấn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Thu L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Anh Lê Tuấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thu L đối với anh Lê Tuấn T. Người khởi kiện có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Lê Tuấn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Lê Tuấn T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp theo biên lai thu số 0021222 ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị L số tiền số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

Anh Lê Tuấn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Anh T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân